

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST

Ngày: 29/09/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ngô Trọng Búp.

2. Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 05, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị H. (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn Đ, xã C1, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/08/2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:**

Do có quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị A đã cho bà Đoàn Thị H vay tiền nhiều lần. Đến ngày 01/03/2021, bà Đoàn Thị H đã trả hết cho bà A các khoản nợ gốc và ký giấy vay tiền nợ tiền lãi của các khoản vay là 80.000.000 đồng. Bà H cam kết hàng tháng sẽ trả dần số nợ trên cho bà A, nhưng bà H không thực hiện.

Ngày 02/08/2022 bà A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà A 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ (ngày 01/4/2021) đến ngày xét xử, đồng thời bà H còn phải tiếp tục tính lãi suất cho bà A đến khi bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi chậm trả chỉ yêu cầu bà Đoàn Thị H trả cho bà A 80.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Đoàn Thị H trình bày:

Ngày 01/3/2021 bà H viết giấy vay tiền với nội dung bà H vay của bà A 80.000.000 đồng, trên thực tế thì đây là tiền lãi suất của những lần trước đó bà H vay tiền của bà A. Nhưng bà H có hoàn cảnh khó khăn, nên chưa có khả năng để trả cho bà A.

Tại phiên tòa hôm nay bà A yêu cầu bà H phải trả tiền 80.000.000 đồng thì bà H trình bày số tiền nợ trên là tiền lãi của các khoản vay trước, nên yêu cầu bà A giảm 40.000.000 đồng số tiền còn lại (40.000.000 đồng) bà H sẽ có nghĩa vụ trả dần cho bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham dự phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Đoàn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị A: 80.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 01/3/2021.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về phần tiền lãi chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn bà Đoàn Thị H cư trú tại Buôn Đ, xã C1, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh

Đắc Lắc căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bà Đoàn Thị H còn nợ tiền của bà Nguyễn Thị A 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), cả hai bên xác nhận giấy vay nợ vào ngày 01/3/2021. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà H công nhận số tiền nợ và đã ký xác nhận giấy vay tiền ngày 01/3/2021 là 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H trình bày số tiền nợ là tiền lãi, nên yêu cầu bà A giảm 40.000.000 đồng còn lại 40.000.000 đồng bà H sẽ có nghĩa vụ trả dần cho bà A.

Tại phiên tòa bà A rút một phần yêu cầu theo đơn khởi kiện đối với tiền lãi do bà H chậm trả đối với bà A.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền nợ: HĐXX xét xử xét thấy, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, bị đơn cũng thừa nhận số tiền nợ của nguyên đơn. Tại phiên tòa bà A rút một phần yêu cầu đối với số tiền lãi phát sinh do bà H chậm trả, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp cần chấp nhận và căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn yêu cầu nguyên đơn giảm $\frac{1}{2}$ khoản tiền nợ nhưng nguyên đơn bà A không chấp nhận. Vì vậy, HĐXX buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà A 80.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 01/3/2021.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà A được chấp nhận, nên bị đơn bà Đoàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với khoản tiền phải trả cho bà A: 80.000.000 đồng x 5% = 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 92; Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Buộc bà Đoàn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị A: 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) theo giấy vay tiền ngày 01/3/2021.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ (ngày 01/4/2021) đến ngày bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Bị đơn bà Đoàn Thị H phải chịu 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị A 2.268.000 đồng (*hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 60AA/2021/0009428, ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Thông báo về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Đức Hoi